

Số: 1256/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và kiểm xạ, kiểm định thiết bị bức xạ trong y tế năm 2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-BVĐHYD ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và kiểm xạ, kiểm định thiết bị bức xạ trong y tế năm 2022;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 4/TTr-TCG ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và kiểm xạ, kiểm định thiết bị bức xạ trong y tế năm 2022 và Báo cáo thẩm định số 03/BCTĐ-TTĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và kiểm xạ, kiểm định thiết bị bức xạ trong y tế năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và kiểm xạ, kiểm định thiết bị bức xạ trong y tế năm 2022 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: SMEQ – AOV;
- Giá trúng thầu: 349.191.550 VND (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm chín mươi một ngàn, năm trăm năm mươi đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Phụ lục đính kèm;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đầu thầu, Trưởng Phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (K19-095-pdminh) (02).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1256/QĐ-BVĐHYD ngày 17/6/2022)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
A	Kiểm định				
1	Cân thông dụng	Cái	90	202.125	18.191.250
2	Huyết áp kế cơ	Cái	200	24.255	4.851.000
3	Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại	Cái	150	105.000	15.500.000
4	Phương tiện đo điện tim	Cái	5	970.200	4.851.000
5	Phương tiện đo điện não	Cái	3	970.200	2.910.600
6	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	Cái	2	970.200	1.940.400
B	Hiệu chuẩn				
7	Nhiệt ẩm kế	Cái	230	242.550	55.786.500
8	Nhiệt kế thủy tinh	Cái	120	242.550	29.106.000
9	Pipette 1 kênh	Cái	40	242.550	9.702.000
10	Pipette 8 kênh	Cái	1	1.374.450	1.374.450
11	Tủ lạnh, tủ đông, tủ ẩm, nồi hấp	Cái	100	646.800	64.680.000
12	Máy ly tâm	Cái	20	485.100	9.702.000
13	Thiết bị đo độ dẫn Conductivity monitor	Cái	1	1.212.750	1.212.750
14	Kính hiển vi	Cái	10	808.500	8.085.000
15	Tủ đông có nhiệt độ -80 độ C	Cái	1	1.617.000	1.617.000
16	Huyết áp kế điện tử	Cái	200	161.700	32.340.000
C	Thử nghiệm				
17	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	10	2.021.250	20.212.500



STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
D	An toàn bức xạ				
18	Kiểm định thiết bị chụp X-quang tăng sáng truyền hình và C-arm	Cái	6	3.072.300	18.433.800
19	Kiểm định thiết bị chụp cắt lớp vi tính (CT)	Cái	2	3.961.650	7.923.300
20	Đánh giá an toàn bức xạ phòng/thiết bị X-quang	Hồ sơ	30	1.131.900	33.957.000
21	Kiểm xạ khu vực SPECT	Hồ sơ	1	7.315.000	7.315.000
Tổng cộng					349.191.550